shēn yùn

身孕

noun · pregnancy

Example Sentences

Tā yǒu shēn yùn le
她有 身 孕了。

She is pregnant.

Tā huái yǒu shēn yùn xū yào duō xiū xi
她怀有 身 孕，需要多休息。

She is pregnant and needs more rest.

Trace each character, then write the word on your own.

身 身 身 身 身 身 身 身 身 身

孕 孕 孕 孕 孕 孕 孕 孕